



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH ĐỒNG NAI**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết  
Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 3822 368

Website: [dulichdongnai.com](http://dulichdongnai.com)

# MỤC LỤC

**01** THÔNG TIN CHUNG

**02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

**03** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**04** ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**05** QUẢN TRỊ CÔNG TY

**06** BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021





1

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



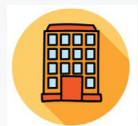
## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
Tên viết tắt:	DONATOURS
Tên Tiếng Anh:	DONG NAI TOURIST JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu:	DNT
Vốn điều lệ:	74.596.750.000 đồng
Trụ sở chính:	105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại:	(0251) 3822 368
Fax:	(0251) 3822 885
Email:	dnt@donatours.vn
Website:	www.dulichdongnai.com.vn

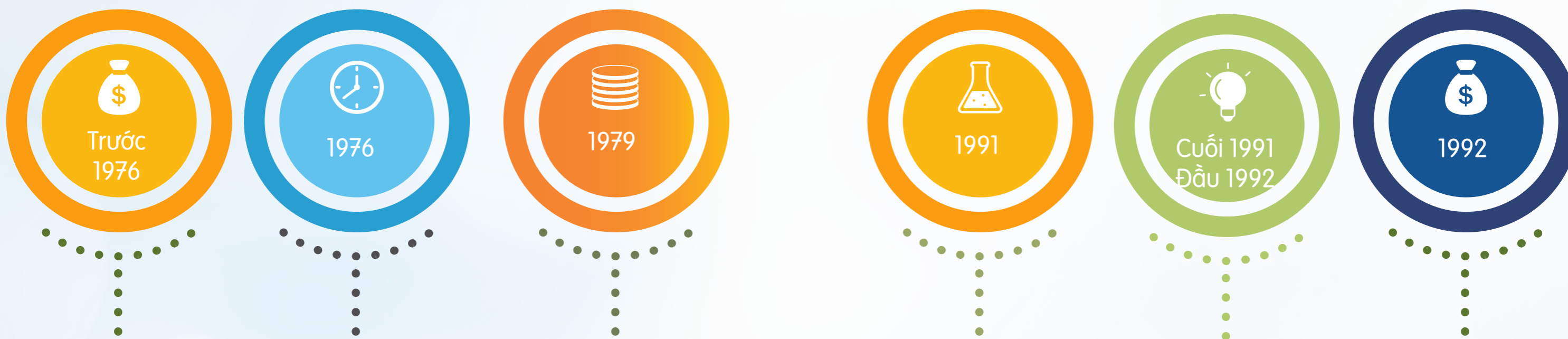
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4703000307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/02/2006; số 3600276414 thay đổi lần thứ 05 ngày 02/12/2016.





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Giai đoạn trước cổ phần hóa



Công ty có tên ban đầu là Ban Giao Tế, nằm trên địa bàn thị xã Vũng Tàu, có nhiệm vụ chính là đón tiếp khách của tỉnh. Lượng khách du lịch, tham quan ở đây phần lớn là từ Liên Xô và các nước Đông Âu cũ.

Ngày 01/06/1976 đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh nói chung và của ngành du lịch nói riêng. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 121/QĐ-UBT thành lập công ty với tên gọi Công ty Du lịch Đồng Nai.

Tháng 05/1979, thị xã Vũng Tàu tách ra khỏi tỉnh Đồng Nai, thành lập đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo theo quyết định của Quốc Hội.

Toàn bộ cơ sở vật chất, hạ tầng được bàn giao cho đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo và địa chỉ Công ty dời về số 105, quốc lộ 1, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa. Ở đây, Công ty được UBND tỉnh giao cho các cư xá Mỹ và các cơ sở tư nhân để hoạt động.

Tháng 11/1991 Quốc Hội tách huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc ra khỏi tỉnh Đồng Nai, kết hợp 3 huyện này với thị xã Vũng Tàu thành lập ra tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng không nhỏ do phải bàn giao tuyến du lịch Long Hải cùng với toàn bộ vật chất mà công ty đã tập trung đầu tư phần lớn nguồn lực.

Do phần lớn cơ sở vật chất đều phải xây dựng lại từ đầu nên công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường cũng gây trở ngại cho công ty.

Ngày 01/06/1992 theo Nghị định 388/NĐ-CP của Chính phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Công ty Khách sạn Ăn uống Đồng Nai đã được sát nhập với Công ty Du lịch Đồng Nai. Do đó, ngày 25/09/1992 UBND tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 1231/QĐ-UBT thành lập lại Công ty Du lịch Đồng Nai.



## Giai đoạn sau cổ phần hóa

Ngày 20/09/2005 UBND tỉnh ra Quyết định số 3238/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

Ngày 15/12/2005, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.092.300 cổ phần và đấu giá thành công bình quân là 10.727 đồng/cổ phần.

Ngày 20/01/2006, tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thành lập.

Ngày 17/02/2006, Công ty Du lịch Đồng Nai được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2006 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp với vốn điều lệ là 64.300.000.000 đồng (vốn thực góp là 50.327.000.000 đồng)

Ngày 23/07/2009, Công ty VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 35/2009/GCNCP-TTLK, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.032.700 cổ phiếu.

Ngày 05/08/2009, CTCP Du lịch Đồng Nai được đăng kí giao dịch 5.032.700 cổ phiếu trên thị trường UPCOM theo thông báo chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 21/12/2010 Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 360027614, thay đổi tỷ lệ vốn góp của các cổ đông và bổ sung ngành kinh doanh và bổ sung thêm các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Ngày 24/07/2007, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất.

Ngày 20/08/2007, Công ty đã đăng ký UBCKNN trở thành công ty đại chúng.

2005

2014

2006

2016

2007

2019

2009

2010

2020

Ngày 07/08/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận hủy Công ty đại chúng theo Công văn số 4509/UBCK-QLPH của UBCKNN.

Ngày 22/08/2014, Công ty được VSD chấp thuận hủy Giấy đăng kí chứng khoán theo thông báo 1525/TB-VSD với toàn bộ cổ phiếu của công ty.

Ngày 12/09/2014 toàn bộ cổ phiếu của công ty hủy đăng ký giao dịch theo Quyết định số 434/QĐ-SDGHN ngày 14/08/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng tại Luật chứng khoán quá thời hạn một năm kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Ngày 15/04/2016, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 02/12/2016, công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm về thay đổi người đại diện pháp luật của công ty.

Ngày 09/10/2016, Công ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 6089/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 06/01/2020, Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 02/2020/GCNCP-VSD với tổng số lượng đăng ký là 7.459.675 cổ phiếu.

Ngày 24/02/2020 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu CTCP Du lịch Đồng Nai trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu là 11.100 đồng/cổ phiếu.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực:

- » Dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- » Dịch vụ sinh thái; Cơ sở lưu trú;
- » Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- » Vận chuyển hành khách đường bộ; Thương mại tổng hợp.

### ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Chủ yếu là tỉnh Đồng Nai, ngoài ra còn hoạt động ở các vùng lân cận



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Không có

Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

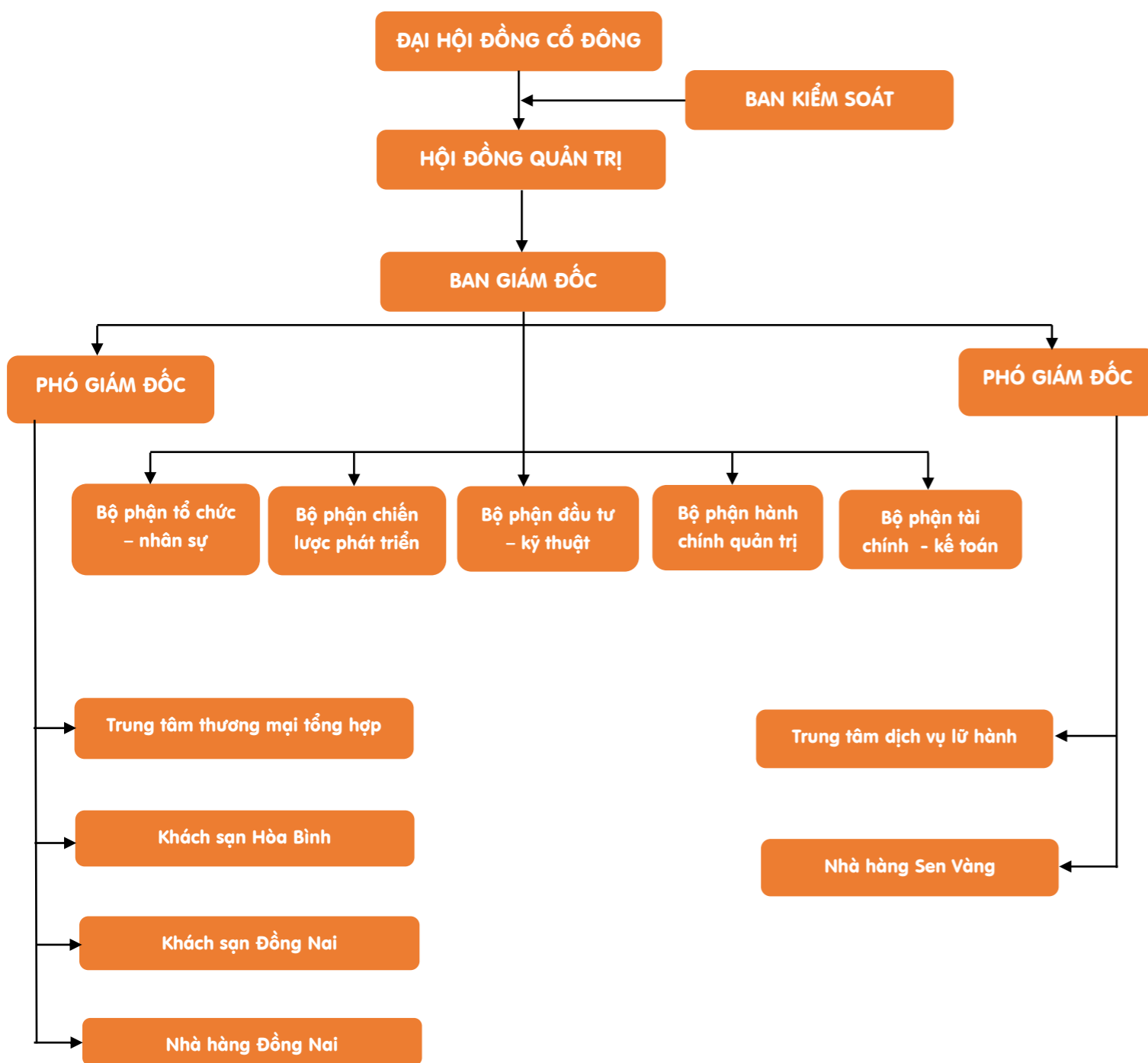
### Phương hướng phát triển của công ty:

- ★ Thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường như tăng số lượng nhân viên bán hàng và lực lượng cộng tác viên, tăng phí quảng cáo, tăng các sản phẩm khuyến mãi. Cùng với đó, công ty xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp ngành dịch vụ ăn uống, lữ hành và xây dựng chính sách giá thành hấp dẫn phù hợp từng loại thị trường, cũng như tiến hành củng cố bộ phận marketing có năng lực thực hiện nghiên cứu thị trường để từ đó đề xuất các chiến lược, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.
- ★ Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng có nhiệm vụ tiếp thu và giải thích tất cả các thắc mắc của khách hàng và cùng với đó xây dựng chính sách giá hấp dẫn, phù hợp với từng loại thị trường.
- ★ Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm mới và sản phẩm khác biệt nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh. Đặc biệt chú trọng sự khác biệt về chất lượng, hình thức, dịch vụ bổ sung, cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ và văn hóa của doanh nghiệp.
- ★ Chú trọng nâng cao năng suất lao động, phát huy tính sáng tạo để cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, củng cố và nâng cao tay nghề người lao động. Đồng thời, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị nhằm tinh gọn bộ máy để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra.





# CƠ CẤU TỔ CHỨC



## Mô hình quản trị

### Đại hội đồng Cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

### Ban Kiểm soát

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

### Ban Giám đốc

Giám đốc của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.







## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Trong năm 2021, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021. GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Ngành du lịch bị ảnh hưởng khá lớn khi tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 20,81%. Ước tính số liệu khách du lịch nội địa 10 tháng đầu năm nay đạt 32,3 triệu lượt (chỉ bằng 44,7% so với cùng kỳ năm 2019), trong đó, khách lưu trú chỉ đạt 16,2 triệu lượt (bằng 44% so với năm 2019). Tuy nhiên đến cuối năm 2021, du lịch đã có nhiều khởi sắc, chủ trương của Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ quy định tạm thời về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 đã trở thành hành động; Việt Nam đã chính thức đón những vị khách quốc tế lần đầu tiên sau gần hai năm đóng cửa. Điều này không chỉ tạo ra niềm vui được lần đầu tiên đón khách quốc tế, được cảm giác bình thường trở lại cho các hoạt động du lịch mà còn là sự chuẩn bị một khí thế mới, để những người làm du lịch vững tâm tiến bước về phía trước, chuẩn bị tốt nhất cho sự phục hồi và tạo sức bật cho ngành kinh tế không khói.

Đồng Nai là một trong những tỉnh có nền công nghiệp phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế được xếp vào loại đứng đầu cả nước. Bên cạnh lợi thế về công nghiệp, khi Sân bay quốc tế Long Thành được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ làm tăng số lượng khách đến tỉnh Đồng Nai, điều này sẽ tạo ra cơ hội phát triển ngành du lịch ở tỉnh bởi vì nơi đây có lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như các địa danh nổi tiếng. Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh thu hút nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, do vậy sẽ làm tăng nhu cầu tổ chức hội nghị, sự kiện ra mắt sản phẩm của doanh nghiệp. Để tận dụng những cơ hội hiện có, Donatours luôn chú trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo sự khác biệt về sản phẩm mang đặc tính văn hóa của công ty và từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

### Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DNT chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán;... Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 sửa đổi đã có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2021, điều này ít nhiều đã gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, vì công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch nên Công ty cũng phải chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật khác như Luật Du lịch, Luật Lao động,... Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới, do đó nhiều văn bản pháp luật đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế để hệ thống pháp luật ở Việt Nam hoàn thiện hơn. Vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình và các lĩnh vực có liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

### Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành Du lịch Việt Nam hiện đang thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực. Theo thống kê, mỗi năm ngành Du lịch cần đến 40.000 lao động, tuy nhiên, nguồn lực cung cấp được chỉ là 20.000 nhân lực, trong đó chủ yếu là trình độ trung cấp, sơ cấp và đào tạo ngắn hạn. Chính vì vậy, để phát triển ngành Du lịch Việt Nam, nâng tầm chất lượng hình ảnh du lịch với du khách trong và ngoài nước, ngành Du lịch cần được phát triển mạnh mẽ, trong đó vấn đề quan trọng nhất là phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

Bên cạnh đó, do tác động của làn sóng dịch thứ 4, ngành du lịch là một trong các ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất khi mà nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Số lượng nhân viên nghỉ việc tại các công ty ngày càng tăng, điều này ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của công ty khi tình hình dịch bệnh ổn định. Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng chính sách cơ chế phúc lợi để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực. Ngoài ra, công ty luôn tổ chức các chương trình đào tạo nhân sự để nâng cao kỹ năng và trình độ chuyên môn.

### Rủi ro cạnh tranh

Du lịch hiện đang là ngành có tính cạnh tranh rất quyết liệt khi mà ngày càng nhiều các công ty gia nhập ngành với nhiều loại hình dịch vụ đa dạng, phong phú và chất lượng, điều này đã làm cho Công ty đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Nếu không nghiên cứu kỹ về nhu cầu khách hàng, đối thủ cạnh tranh, không nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng quản lý thì công ty sẽ khó có khả năng thu hút thêm được nhiều khách hàng, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Với thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng du lịch thông minh ngày càng phát triển và đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Các công ty du lịch truyền thống nếu không thay đổi theo xu hướng phát triển của ngành sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức từ các đối thủ áp dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản bá tour du lịch.

### Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động với những rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra thiệt hại không hề nhỏ về tài sản cũng như con người. Tuy nhiên, những rủi ro này có thể được giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp nâng cao ý thức người lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình làm việc, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.





2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn góp của CSH

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

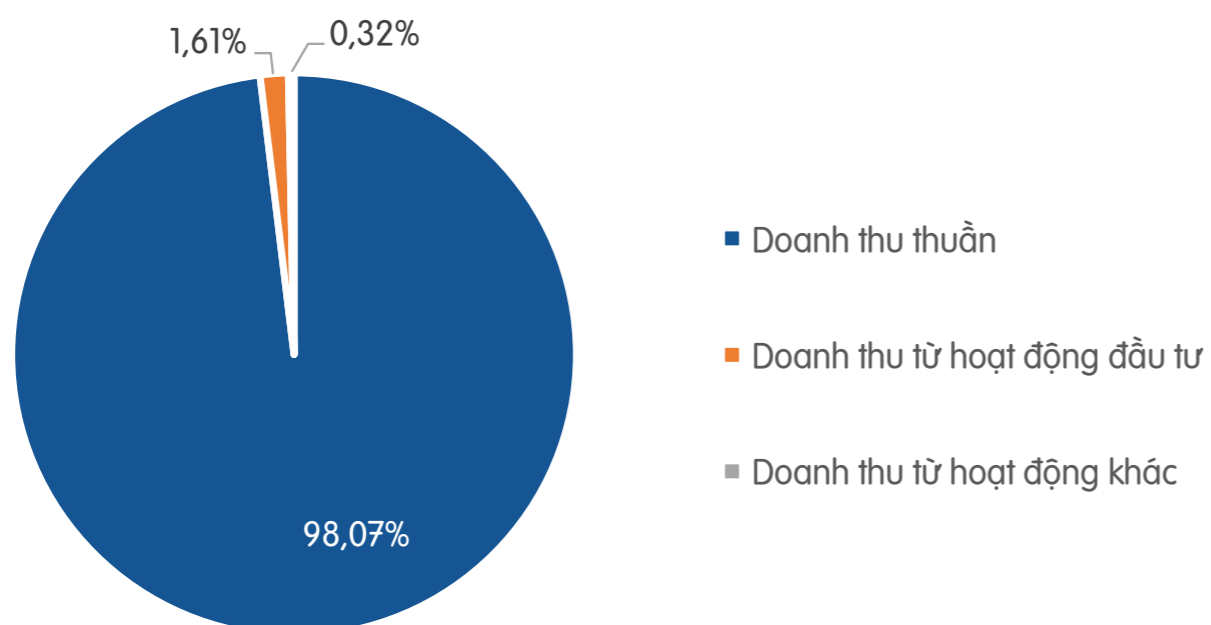


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	198.842	97,02%	118.778	98,07%	-40,26%
2	Doanh thu từ hoạt động đầu tư	3.256	2,41%	2.944	1,61%	-9,57%
3	Doanh thu từ hoạt động khác	658	0,57%	701	0,32%	6,53%
	<b>Tổng</b>	<b>202.756</b>	<b>100%</b>	<b>122.424</b>	<b>100%</b>	<b>-39,62%</b>

Năm 2021



Tổng doanh thu của Công ty năm 2021 giảm 39,62% (tương đương 80.332 triệu đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19, nhiều tỉnh thành phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16 của Thủ tướng chính phủ trong thời gian dài dẫn đến ngành du lịch bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đơn vị chủ lực kinh doanh của Công ty là Nhà hàng Sen Vàng phải chịu tổn thất khá nặng nề khi trải qua 5 tháng hoàn toàn không ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, Trung tâm Thương mại Tổng hợp, Khách sạn Đồng Nai và Khách sạn Hòa Bình triển khai mô hình hoạt động "3 tại chỗ", đón tiếp khách lưu trú chủ yếu là các nhân viên phục vụ cho tuyến đầu chống dịch nên doanh thu cũng không đáng kể.



- **Doanh thu thuần** : **118.778** tỷ đồng
- **Lợi nhuận trước thuế** : **-4.534** tỷ đồng
- **Lợi nhuận sau thuế** : **-4.534** tỷ đồng





## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành (tại ngày 31/12/2021)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc- Thành viên HĐQT	900.150	12,07%
2	Ôn Văn Phước	Quyền Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT	2.550	0,035%

### Lý lịch Ban điều hành

#### Ông Huỳnh Quốc Bảo

Giám đốc kiêm  
Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 150 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,07% vốn điều lệ)

#### Ông Ôn Văn Phước

Quyền Kế toán trưởng  
kiêm Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 2.550 cổ phiếu (chiếm 0,035% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

### Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Minh Thức	Giám đốc	-	17/12/2021
2	Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	17/12/2021	-
3	Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc	07/01/2021	21/06/2021
4	Ôn Văn Phước	Quyền Kế toán trưởng	17/12/2021	-
5	Đặng Tố Ngân	Kế toán trưởng	-	17/12/2021

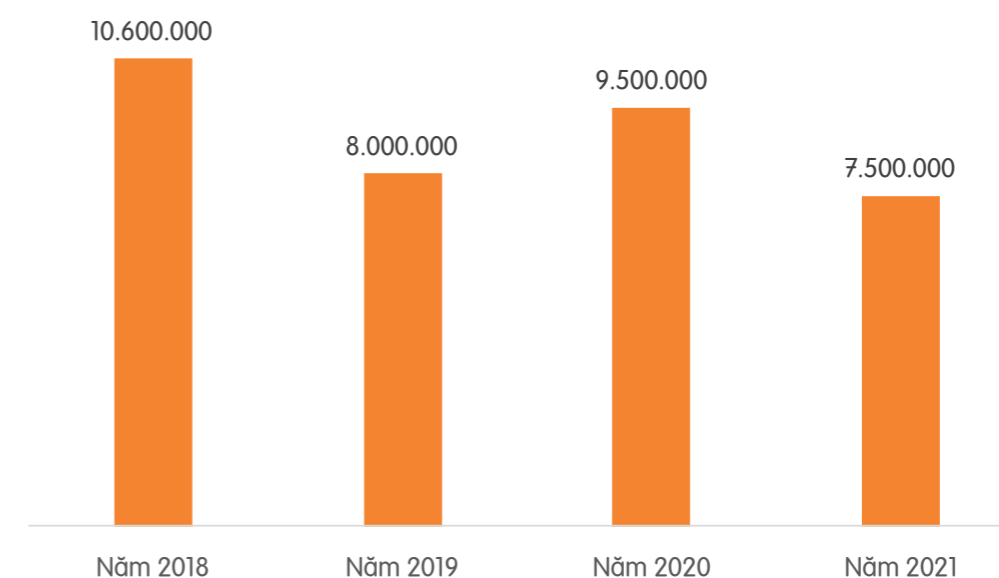


### Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>168</b>	<b>100%</b>
1	Trên Đại học, Trình độ Đại học	41	24,40%
2	Cao đẳng	10	5,95%
3	Trình Độ trung cấp chuyên nghiệp	25	14,88%
4	Công nhân kỹ thuật	44	26,19%
5	Lao động phổ thông	48	28,57%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>168</b>	<b>100%</b>
1	Nam	86	51,19%
2	Nữ	82	48,81%
<b>IV</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>	<b>168</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	38	22,62%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	130	77,38%

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	200	202	179	168
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.600.000	8.000.000	9.500.000	7.500.000





## Chính sách nhân sự

### Về đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tiêu chuẩn đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc.

Công ty luôn động viên, khuyến khích nhân viên phát huy tinh thần tự học hỏi, sáng tạo, đóng góp ý kiến, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn nâng cao kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý điều hành dự án, kiến thức pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

### Về tuyển dụng

Công ty thực hiện tuyển dụng lao động một cách công bằng, minh bạch nhằm mục đích tìm được những người có năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu của công việc, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.



### Môi trường công việc:

Công ty tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, thân thiện để gắn kết các CBCNV như một gia đình. Ngoài ra, công ty còn trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, phương tiện làm việc cho nhân viên. Môi trường là việc được thiết kế khang trang, ngăn nắp để khơi nguồn cảm hứng, thúc đẩy năng suất lao động.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Việc chi trả lương cho CBCNV được thực hiện theo quy chế tiền lương của công ty và tuân theo quy định của pháp luật. Chính sách lương của Công ty được xây dựng đảm bảo tính công bằng, tùy thuộc vào từng vị trí và mức độ hoàn thành công việc, mức độ đóng góp ý kiến, giải pháp giúp cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ, phúc lợi cũng được Công ty đặc biệt quan tâm nhằm giữ chân, thu hút người tài, đáp ứng được nguồn nhân lực của công ty.



## Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

### Tình hình đầu tư và mua sắm trang thiết bị

Trong năm 2021, Công ty đã tiến hành đầu tư cải tạo nổi sảnh Rose 1 và Rose 2 của Khách sạn Đồng Nai thành một sảnh lớn nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ tiệc, mua sắm trang thiết bị và công cụ dụng cụ thay thế cho Khách sạn Đồng Nai, cải tạo mở rộng nền sảnh Lopypy tầng trệt Nhà hàng Sen Vàng; cải tạo sửa chữa Nhà hàng Đồng Nai, mua bán bổ sung và thay thế trang thiết bị nâng cao hình ảnh công ty, chất lượng dịch vụ và uy tín thương hiệu của đơn vị. Tổng kinh phí đầu tư (chưa bao gồm thuế) là trên 3,941 tỷ đồng, cụ thể:

- ★ Mua sắm trang thiết bị và công cụ dụng cụ cho Nhà hàng Đồng Nai: 250 triệu đồng
- ★ Cải tạo mở rộng nền sảnh Lopypy tầng trệt Nhà hàng Sen Vàng: 434,484 triệu đồng
- ★ Mua sắm trang thiết bị cho Nhà hàng Sen Vàng: 306 triệu đồng
- ★ Cải tạo sửa chữa sảnh tiệc nổi Rose 1 và Rose 2 Khách sạn Đồng Nai: 2.713 triệu đồng
- ★ Mua sắm trang thiết bị cho Khách sạn Đồng Nai: 136 triệu đồng
- ★ Mua sắm thay thế trang thiết bị Khách sạn Hòa Bình: 100 triệu đồng

Công tác đầu tư, sửa chữa, mua sắm được thực hiện có trọng điểm, tuân thủ đúng quy trình đầu tư mua sắm theo quy định của Nhà nước và quy chế công ty ban hành.

Các hạng mục đầu tư đã thực hiện bước đầu phát huy được hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh và đóng góp cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	% 2021/2020	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	107.050	87.669	81,90%	-18,10%
Doanh thu thuần	198.842	118.778	59,74%	-40,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.111	-5.017	-59,57%	-159,57%
Lợi nhuận khác	595	483	81,18%	-18,82%
Lợi nhuận trước thuế	7.706	-4.534	-48,98%	-148,98%
Lợi nhuận sau thuế	6.705	-4.534	-56,31%	-156,31%

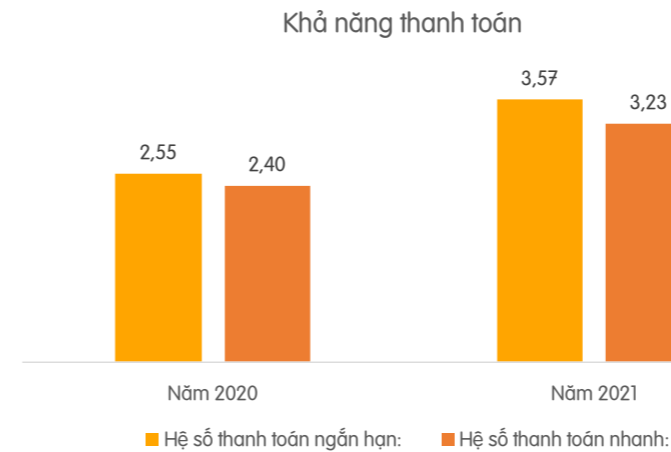
### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,54	3,57
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,38	3,23
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,62	14,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,66	17,22
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	42,69	26,02
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,78	1,22
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,46	-3,81
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,51	-6,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,43	-5,17
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,68	-4,22



### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

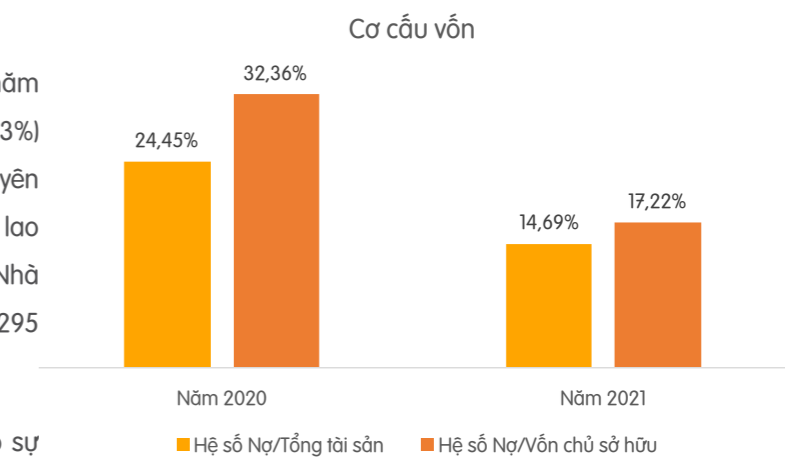
So với năm 2020, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều ghi nhận tăng. Cụ thể, hệ số thanh toán nhanh tăng 1,03 lần (từ 2,54 lên 3,57) và hệ số thanh toán nhanh tăng 0,85 lần (từ 2,38 lên 3,23). Nguyên nhân có sự tăng lên này là do nợ ngắn hạn của Công ty giảm mạnh hơn tài sản ngắn hạn. Nợ ngắn hạn giảm 54,96% trong khi tài sản ngắn hạn giảm 37,12%. Bên cạnh đó, công ty cũng thu hẹp quỹ lương để đối phó với dịch bệnh nên các khoản phải trả người lao động và phải trả khác đều giảm. Tuy nhiên, khả năng thanh toán của Công ty trong tình trạng tốt và an toàn, Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán.



### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu nguồn vốn của DNT đều ghi nhận giảm so với năm 2020, trong đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản đạt 14,69% (giảm 9,93%) và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 17,22% (giảm 15,44%). Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản phải trả như: phải trả người lao động, phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và các khoản phải trả ngắn hạn khác,... giảm 13.295 triệu đồng.

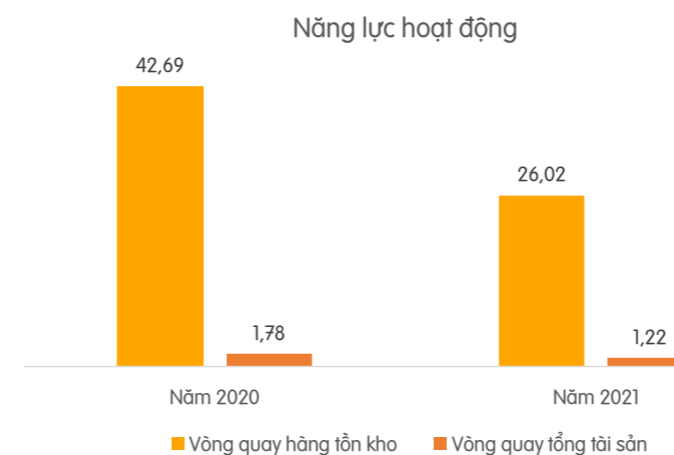
Các tỷ số này vẫn đang ở mức hợp lý, Công ty đang có sự chuẩn bị các kế hoạch tài chính dài hạn, chủ động nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh, giảm sử dụng vốn vay cũng như tối ưu được cơ cấu nguồn vốn.



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với đặc thù hoạt động trong ngành du lịch nên hàng tồn kho chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, dẫn tới vòng quay hàng tồn kho thường khá cao. Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị đình trệ, dẫn tới giá vốn hàng bán giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái (giảm 39,44%) trong khi hàng tồn kho thay đổi không đáng kể. Do đó, vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 42,69 vòng xuống còn 26,02 vòng.

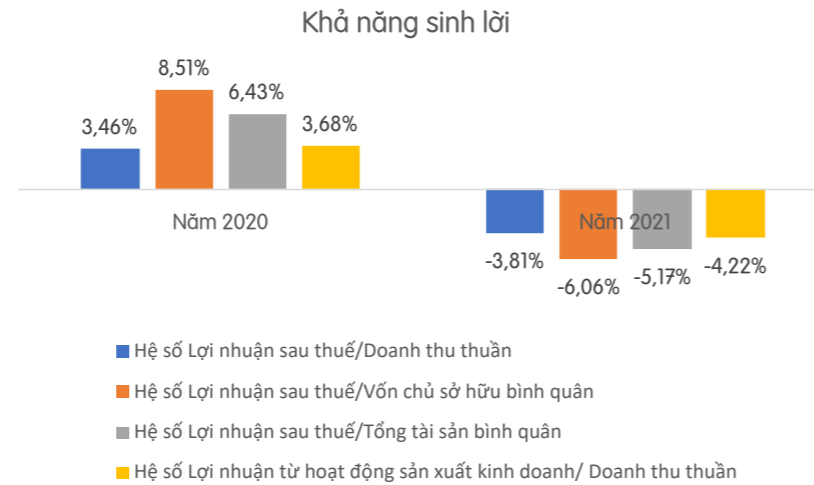
Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 1,72 vòng xuống còn 1,22 vòng do doanh thu thuần năm 2021 giảm mạnh hơn so với tổng tài sản. Cụ thể doanh thu thuần giảm 39,44% trong khi tổng tài sản giảm 18,10%.





#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn của Công ty khi mà các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đạt con số âm. Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid, đơn vị kinh doanh chủ lực của Công ty là Nhà hàng Sen Vàng trong nhiều tháng thực hiện giãn cách không ghi nhận doanh thu, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 156,31% so với năm ngoái. Sự sụt giảm của các chỉ tiêu về khả năng sinh lời là điều không thể tránh khỏi đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch năm 2021 khi mà tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường trên thế giới cũng như tại Việt Nam.



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

#### Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 25/01/2022)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ vốn sở hữu/VĐL
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>7.280.925</b>	<b>72.809.250.000</b>	<b>97,60%</b>
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	6.139.500	61.395.000.000	84,32%
3	Cổ đông cá nhân	1.141.425	11.414.250.000	15,68%
II	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
III	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>178.750</b>	<b>1.787.500.000</b>	<b>2,40%</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.459.675</b>	<b>74.596.750.000</b>	<b>100%</b>



#### Thông tin cổ phiếu



- 1 **Loại cổ phần:** cổ phần phổ thông
- 2 **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/ cổ phần
- 3 **Số cổ phiếu đã phát hành phần:** 7.459.675 cổ phiếu
- 4 **Số cổ phiếu đang lưu hành:** 7.280.925 cổ phiếu
- 5 **Số cổ phiếu quỹ:** 178.750 cổ phiếu





## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng chủ yếu được Công ty sử dụng là điện năng phục vụ cho chiếu sáng khu vực văn phòng. Lượng điện năng Công ty sử dụng trong năm 2021 phù hợp đối với một công ty thuộc lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, công ty đang áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm điện năng như sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, tắt bớt các thiết bị không cần thiết, tận dụng các nguồn năng lượng sẵn có như nguồn năng lượng mặt trời, ánh sáng tự nhiên.

### Tiêu thụ nước

Nguồn nước là tài nguyên vô cùng quan trọng đối với đời sống sinh hoạt của người dân, vì vậy công ty luôn chú trọng trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn nước. Công ty đã có những chính sách hạn chế việc lãng phí nguồn nước, đồng thời tối thiểu chi phí hoạt động thông qua công tác kiểm tra hệ thống đường ống, trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục, sửa chữa tránh tình trạng nước bị rò rỉ hay thất thoát.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị, bảo tồn thiên nhiên và thường xuyên vệ sinh nơi làm việc, cảnh quan xung quanh công ty và các đơn vị kinh doanh. Công ty tích cực tuyên truyền, nâng cao ý thức người lao động và khuyến khích mọi người tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường nhằm giữ cho môi trường xanh - sạch - đẹp.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Lực lượng lao động là yếu tố tiên quyết để Công ty có thể phát triển bền vững. Do đó, công ty luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến việc làm, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống của người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, các lớp tập huấn, kỹ năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các vấn đề về môi trường, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về xã hội. Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ; giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động khuyến học tại các huyện, xã còn khó khăn.







3

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo phát triển bền vững



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2021	TH năm 2021	% KH 2021/TH 2021
Doanh thu hoạt động SXKD	180.000	122.424	68,01%
Trong đó:			
- Doanh thu dịch vụ	80.000	42.666	53,33%
- Doanh thu KD thương mại	100.000	79.758	79,75%
Tổng chi phí	179.000	126.958	70,92%
Lợi nhuận trước thuế	1.000	-4.534	
Thu nhập bình quân	6,6	6,7	101,51%

## Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 122.424 triệu đồng, đạt 68,01% so với kế hoạch được ĐHCĐ thông qua. Trong đó, doanh thu lĩnh vực dịch vụ đạt 53,33 % so kế hoạch, doanh thu lĩnh vực kinh doanh thương mại đạt 79,75% so kế hoạch.

❖ **Nhà hàng Sen Vàng:** là đơn vị chủ lực mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong thời gian dài nên trong năm 2021, nhà hàng chỉ mở cửa kinh doanh quý 1 và tháng 4 quý 2, còn quý 4 hoạt động cầm chừng, lượng khách liên hệ đặt tiệc và hội nghị vẫn thấp so với năm 2020, do đó, doanh thu và hiệu quả kinh doanh của đơn vị bị giảm mạnh. Trong giai đoạn nền kinh tế mở cửa trở lại, để thu hút khách hàng, Nhà hàng đã liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo giá thành, đẩy mạnh công tác tiếp thị, đầu tư trang thiết bị, thực hiện sơn sửa lại mặt tiền của nhà hàng, trang trí sảnh tiệc, nâng cao chất lượng dịch vụ.

❖ **Khách sạn Hòa Bình:** trong năm qua, đơn vị đã triển khai sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, thực hiện sửa chữa thường xuyên nhà hàng khách sạn. Bên cạnh đó, đơn vị còn chủ động gia tăng khai thác phục vụ tiệc bên ngoài để bù đắp cho số lượng khác đến khách sạn suy giảm. Doanh thu năm 2021 của đơn vị đạt xấp xỉ 7,3 tỷ đồng.



❖ **Khách sạn Đồng Nai:** Năm 2021 doanh thu đạt 11,2 tỷ đạt 60,21% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó kinh doanh ăn uống đạt 4,4 tỷ giảm 48% so với cùng kỳ, dịch vụ phòng ngủ và các dịch vụ bổ trợ khác đạt 6,8 tỷ giảm 34% so với cùng kỳ. Kinh doanh giảm mạnh là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid kéo dài bên cạnh đó là áp lực cạnh tranh từ Khách sạn Central Park. Trong năm vừa qua, Khách sạn đã cải tạo nổi sảnh tiệc Rose 1 và Rose 2 thành sảnh tiệc lớn, đầu tư trang thiết bị, cải thiện chất lượng món ăn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh với các đối thủ cùng phân khúc thị trường.

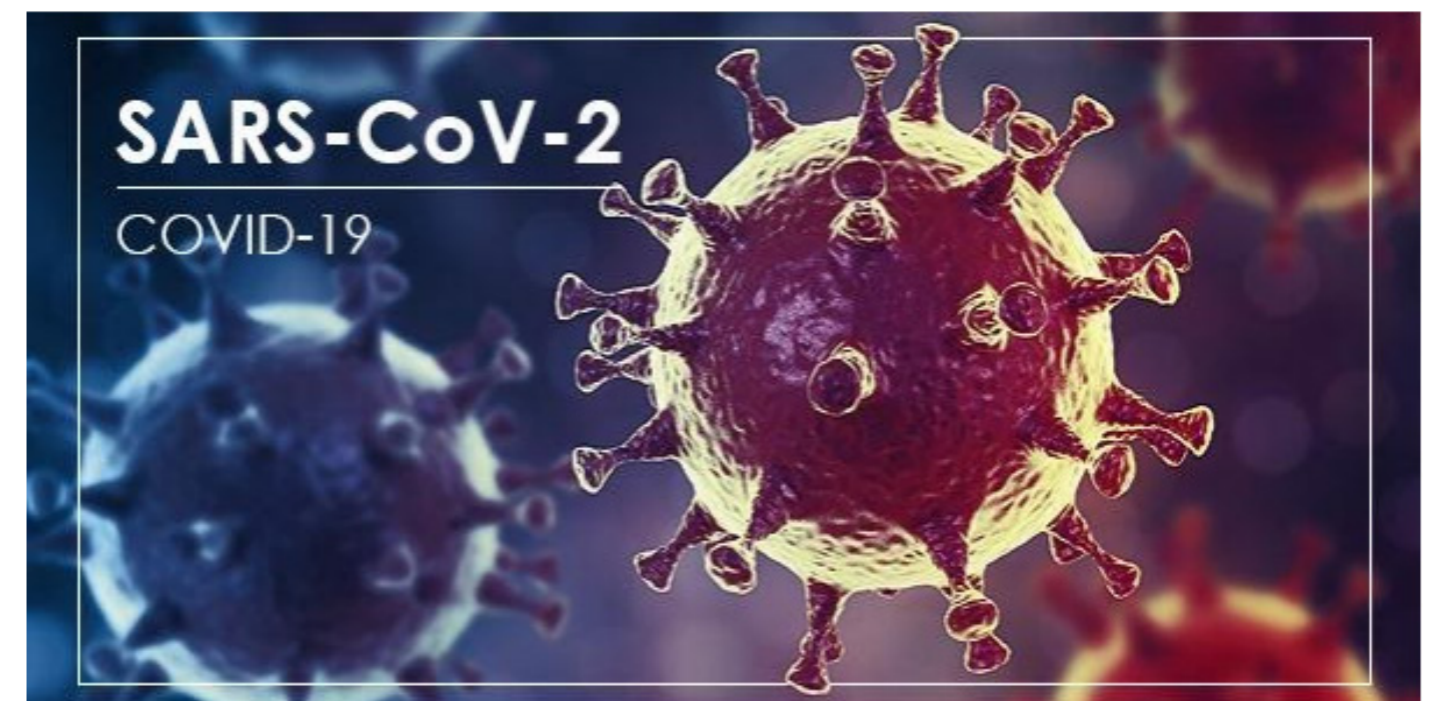
❖ **Trung tâm Thương mại tổng hợp:** do bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, các nhà hàng, quán xá phải tạm ngưng hoạt động trong thời gian dài dẫn đến doanh thu bán bia của đơn vị giảm mạnh. Cụ thể, doanh thu thực hiện năm 2021 của đơn vị là 79,7 tỷ đồng, đạt 64,17% so với cùng kỳ.

❖ **Trung tâm Dịch vụ Lữ hành:** Dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ dẫn đến các tour du lịch không thể thực hiện, trong tháng cao điểm của hoạt động lữ hành là đầu hè nhưng đơn vị phải tạm ngưng kinh doanh, doanh thu bán vé máy bay thấp, đa phần là hoàn vé và hủy vé. Doanh thu thực hiện năm 2021 là 2,63 tỷ đồng, đạt 28,96% so với cùng kỳ.

## Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19, nên hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ trên 4,5 tỷ và đây cũng là năm đầu tiên hiệu quả kinh doanh của Công ty bị thua lỗ. Hiệu quả kinh doanh của công ty chủ yếu là từ kinh doanh nhà hàng và khách sạn mang lại, qua phân tích nguyên nhân doanh thu sụt giảm mạnh dẫn hiệu quả kinh doanh toàn công ty bị lỗ. Nhà hàng Sen Vàng, Khách sạn Đồng Nai, Trung tâm Thương mại tổng hợp đặc biệt là Nhà hàng Sen Vàng là những đơn vị đóng góp chính cho hiệu quả công ty nhưng trong năm vừa qua doanh thu của của 3 đơn vị này giảm gần một nửa so với năm 2020 và chỉ bằng 1/3 so với cùng kỳ 2019.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2021 là 6,7 triệu đồng/người/tháng, xấp xỉ so với kế hoạch. Nhằm chăm lo đời sống cho người lao động yên tâm công tác và gắn bó với công ty, Ban điều hành công ty đã thống nhất trích từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi bù đắp cho người lao động, do vậy thu nhập bình quân của người lao động được nâng lên xấp xỉ 7,5 triệu đồng/người/tháng.





### Thuận lợi:

- Đồng Nai thuộc vùng động lực phát triển kinh tế phía Nam, là tỉnh có nền công nghiệp phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế được xếp vào loại đứng đầu cả nước. Bên cạnh thế mạnh về công nghiệp, Đồng Nai còn có thế mạnh về phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái với các khu du lịch trải đều trên toàn tỉnh.
- Công ty có nhiều loại hình kinh doanh đa dạng, phong phú. Công tác đào tạo các nghiệp vụ bài bản cho đội ngũ nhân sự cùng với chiến lược kinh doanh rõ ràng nhằm khẳng định một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực du lịch tại Đồng Nai.
- Với hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực du lịch với đội ngũ quản lý dày dặn kinh nghiệm và nhân viên phục vụ chuyên nghiệp, hiện nay Donatours là công ty dẫn đầu về kinh doanh sản phẩm dịch vụ: nhà hàng, khách sạn, và dịch vụ du lịch. Công ty luôn duy trì tinh thần tài chính lành mạnh, có nguồn vốn dồi dào đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Đại dịch Covid-19 đã đẩy nhanh việc chuyển đổi số của các ngành kinh tế, trong đó có ngành du lịch, giúp các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn khách hàng tiềm năng, giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh.
- Ngày 29/06/2021, Chính phủ đã ra quyết định số 63/NQ-CP nhằm triển khai các chính sách kích cầu, phục hồi hoạt động du lịch, lữ hành.

### Khó khăn:

- Nguồn nhân lực trong ngành này vẫn còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu chung của ngành cũng như xu hướng thế giới.
- Ngành dịch vụ, du lịch phụ thuộc vào sự tăng trưởng của nền kinh tế, mức thu nhập của du khách, thị hiếu của người tiêu dùng, và đặc biệt là trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh hiện nay.
- Cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng như các tỉnh lân cận dẫn đến Đồng Nai vẫn chưa được đầu tư đồng bộ do vướng mắc trong vấn đề pháp lý, nguồn vốn.
- Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp như hiện nay, nhiều tỉnh thành phải thực hiện giãn cách trong thời gian khá dài. Chính phủ siết chặt khâu nhập cảnh, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ở mức cầm chừng, ảnh hưởng đến khả năng tiêu dùng của người dân cũng như khách hàng tiềm năng của Công ty.



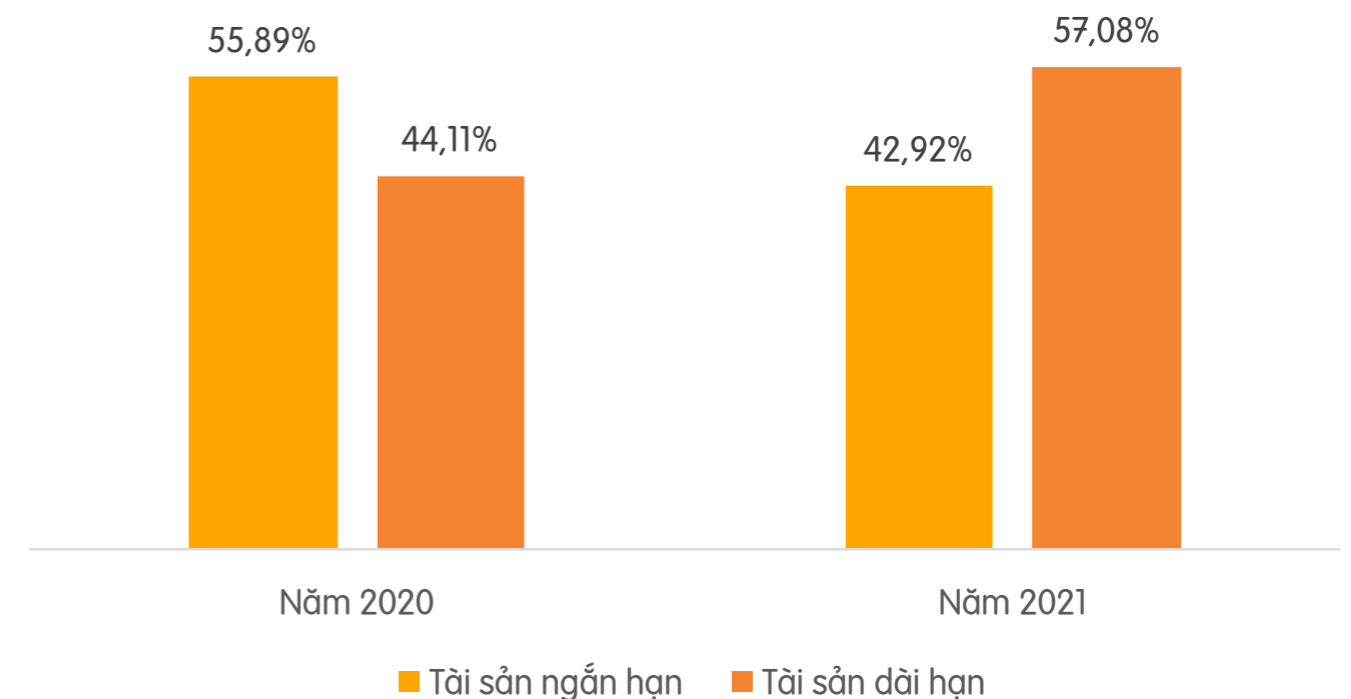
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	59.833	37.624	62,88%	55,89%	42,92%
Tài sản dài hạn	47.217	50.045	105,99%	44,11%	57,08%
Tổng tài sản	107.050	87.669	81,90%	100%	100%

### Cơ cấu tổng tài sản



Tại thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty ghi nhận là 87.669 triệu đồng, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn của Công ty đã giảm 37,12% so với năm 2020. Bên cạnh đó, cơ cấu tổng tài sản của Công ty cũng có sự thay đổi so với các năm trước khi mà tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao hơn (chiếm 57,08%).

Năm 2021, tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận giảm 22.209 triệu đồng (tương đương 37,12% và tài sản dài hạn tăng nhẹ 5,9% (tương đương 2.829 triệu đồng). Nguyên nhân có sự thay đổi này là do DNT giảm đầu tư tài chính ngắn hạn và tăng đầu tư tài chính dài hạn. Cụ thể, khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty giảm 40,95% (từ 41.290 triệu đồng xuống còn 24.380 triệu đồng), trong khi đó khoản đầu tư dài hạn 237,67% (từ 3.329 triệu đồng lên 11.240 triệu đồng).

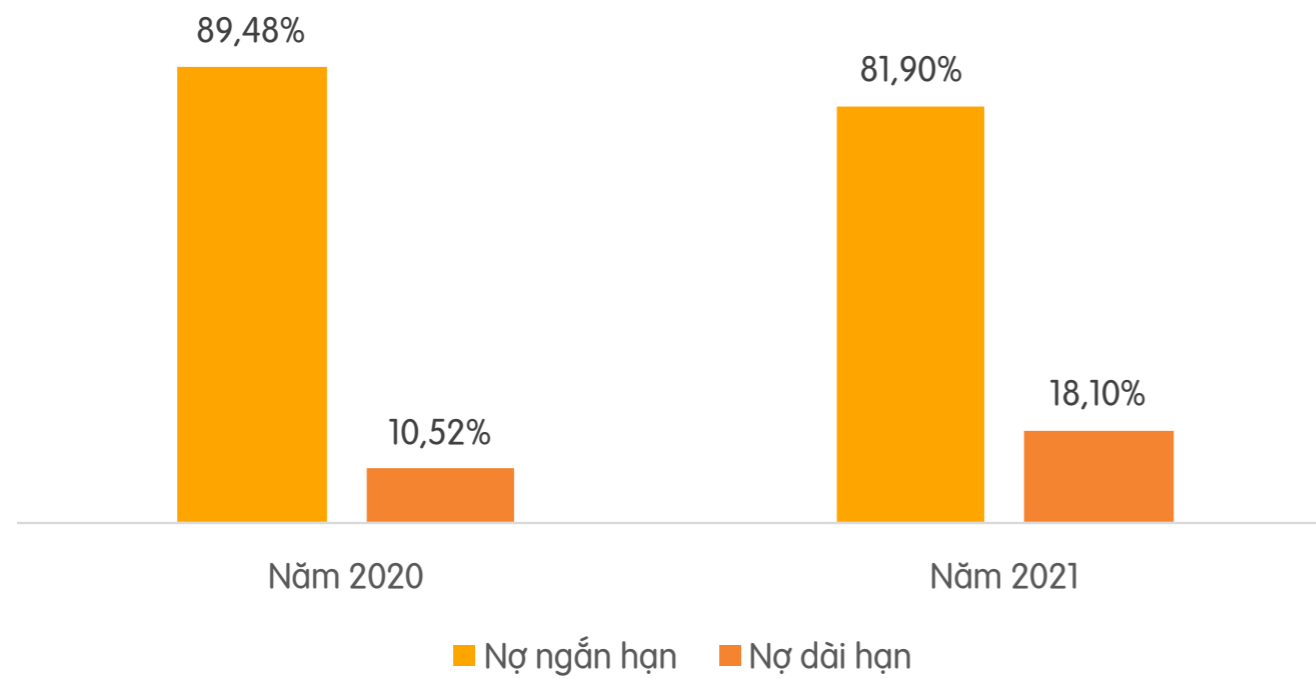


## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	23.422	10.549	45,04%	89,48%	81,90%
Nợ dài hạn	2.753	2.331	84,67%	10,52%	18,10%
Tổng nợ phải trả	26.175	12.880	49,21%	100,00%	100,00%

### Cơ cấu nợ phải trả



Nợ phải trả của DNT tại thời điểm 31/12/2021 đạt 12.880 triệu đồng, giảm 51,79% so với năm 2020. Cơ cấu nợ phải trả hầu như không có nhiều sự thay đổi, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao (chiếm 81,90%).

Nợ ngắn hạn của Công ty đã giảm 55,96% (tương đương 12.783 triệu đồng) so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty giảm các khoản phải trả như phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động,...

Nợ dài hạn của Công ty ghi nhận giảm nhẹ so với năm ngoái, giảm 422 triệu đồng (tương đương 16,33%).





# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

## Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	200.000
2	Tổng chi phí cố lương	194.000
3	Lợi nhuận trước thuế	6.000

### Giải pháp thực hiện

#### ❑ Phát triển sản phẩm, dịch vụ

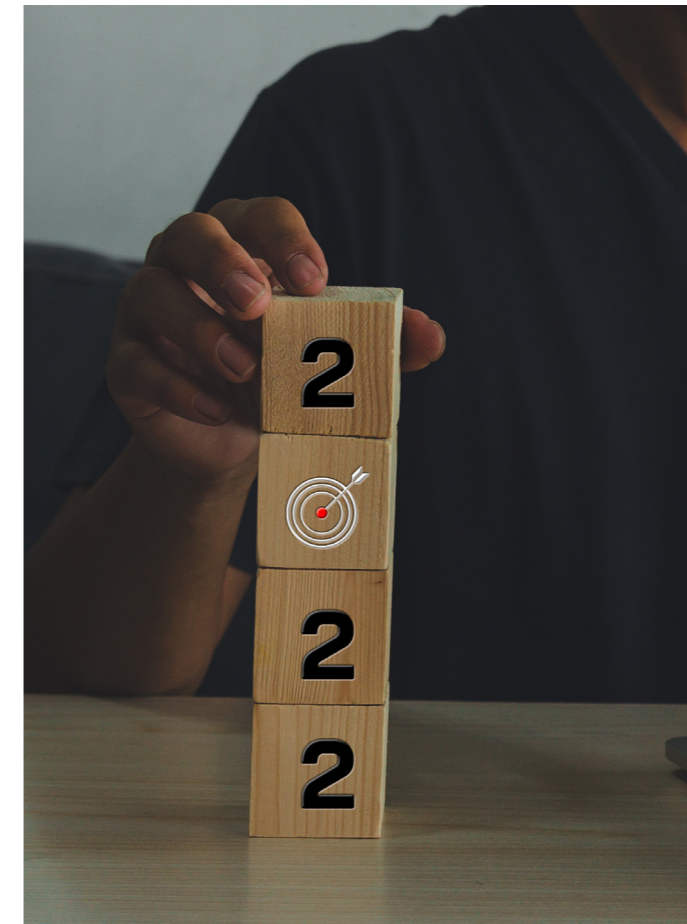
- » Tập trung phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ chủ lực của Công ty như: sản phẩm ăn uống (tiệc cưới, tiệc - hội nghị, khách vắng lai, liên hoan, sinh nhật,...), tạo ra những nét đặc trưng của ẩm thực Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai trên thị trường ăn uống. Tập trung lựa chọn phân khúc sản phẩm, dịch vụ và thị trường với các tiêu chuẩn phục vụ đối tượng khách hàng khác nhau, từ phổ thông đến cao cấp. Từ đó tổ chức đầu tư, khai thác một cách phù hợp, có hiệu quả trên cơ sở chất lượng sản phẩm, giá cả và chất lượng phục vụ đến với khách hàng là tốt nhất.
- » Nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng món ăn, tạo ra sự khác biệt, đảm bảo tính cạnh tranh cao. Thường xuyên nghiên cứu và đổi mới trang trí sảnh tiệc, nghi thức tiệc.
- » Không ngừng gia tăng, cải tiến các sản phẩm dịch vụ lễ hành trên cơ sở kiểm soát chi phí, hạ giá thành và tăng thêm giá trị dịch vụ, đổi mới phương thức bán hàng, công tác truyền thông quảng bá sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh.
- » Trải qua 4 đợt dịch Covid-19, thị trường đã thay đổi về hành vi tiêu dùng, theo đó nhu cầu của khách du lịch cũng dần thay đổi, chú trọng nhiều hơn tới các yếu tố an toàn sức khỏe, vệ sinh, bảo hiểm du lịch, tránh tiếp xúc đông người, nhu cầu nghỉ dưỡng tại các khu riêng biệt; lựa chọn các kỳ nghỉ ngắn ngày, các điểm du lịch ở gần. Thay vì ưu tiên về giá cả, khách hàng sẽ ưu tiên về an toàn và lựa chọn sản phẩm du lịch có chất lượng cao. Để thích ứng du lịch cần tăng tốc chuyển đổi cho phù hợp.
- » Khối thương mại tiếp tục phát huy, mở rộng đối tượng khách hàng. Nắm bắt kịp thời thông tin thị trường, tận dụng thời cơ, cơ hội kinh doanh đem lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Nghiên cứu kinh doanh sản phẩm mới.

#### ❑ Đầu tư cơ sở vật chất

- » Thường xuyên đầu tư các trang thiết bị, công cụ dụng cụ khối nhà hàng, khách sạn nhằm giữ vững chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- » Công tác bảo trì, sửa chữa phải được thực hiện thường xuyên trong toàn công ty và có trọng tâm. Luôn làm mới để góp phần đưa sản phẩm dịch vụ được khách hàng tin nhiệm.

#### ❑ Về nhân sự

- » Luôn thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ hợp lý, phù hợp với nhu cầu thực tế để người lao động an tâm công tác và thu hút được lực lượng lao động có tay nghề, chuyên môn cao.
- » Nâng cao chất lượng của đội ngũ bán hàng và đội ngũ lao động trực tiếp phục vụ như bàn, buồng, bếp, hướng dẫn viên.
- » Tiếp tục áp dụng phương pháp KPI trong công tác quản trị nhân sự. Người lao động được trả lương, thưởng căn cứ vào bảng đánh giá hiệu quả công việc của từng người gắn với hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị, tạo áp lực trong công việc đồng thời cũng là động lực để người lao động phấn đấu gia tăng năng suất, hiệu quả làm việc, góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh chung của đơn vị và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo chế độ phúc lợi.
- » Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động. Quy hoạch, tuyển dụng nhân viên có chuyên môn cao. Mở rộng đội ngũ cộng tác viên.



#### ❑ Quản trị

- » Duy trì chăm sóc khách hàng thường xuyên, khai thác thêm khách hàng mới. Tăng cường khai thác tiệc ngoài, phục vụ tận nơi theo yêu cầu.
- » Xây dựng chính sách giá bán, chương trình khuyến mãi với nhiều tiện ích gia tăng, phù hợp theo từng mùa vụ trong năm. Việc xây dựng giá bán và hoa hồng không chỉ dựa vào giá thành sản phẩm mà còn phải xem xét đến yếu tố giá của đối thủ cạnh tranh và khả năng chi trả của khách hàng.
- » Tăng cường liên kết các đối tác để cùng nhau khai thác thế mạnh của nhau và mở rộng thị trường. áp dụng chính sách outsourcing để tận dụng nguồn lực bên ngoài và giảm thiểu chi phí công ty.
- » Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế về quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ, sử dụng đồng vốn được giám sát chặt chẽ nhằm thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí, nhất là chi phí đầu vào bao gồm nhân công, nguyên vật liệu chế biến, mua sắm công cụ tài sản và chi phí xây dựng cơ bản,... Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị.
- » Thực hiện tốt công tác quảng bá chất lượng sản phẩm dịch vụ, công tác tiếp thị đến với khách hàng, nâng cao văn hóa ứng xử của người lao động, khẳng định tính chuyên nghiệp, uy tín, thương hiệu của công ty và tạo sự lan tỏa sâu rộng.



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Vấn đề ô nhiễm môi trường được Công ty đánh giá là một vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của công ty, vì vậy công ty nâng cao nhận thức của CBCNV về việc tiết kiệm năng lượng, giữ gìn vệ sinh chung nhằm giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty nhận thức được rằng người lao động là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của công ty. Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của toàn bộ nhân viên. Trong năm 2021, mức lương cho Ban Lãnh đạo được xây dựng theo cơ chế phù hợp, công bằng và xứng đáng với công sức được đánh giá theo từng chỉ tiêu cụ thể. Mặt bằng lương trong năm qua đã tăng đáng kể khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ lao động.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty còn hướng sự quan tâm đến cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động từ thiện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo.



4

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Doanh nghiệp bên cạnh việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì việc đảm bảo cân đối hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động, môi trường, cộng đồng và xã hội cũng là một trong những nhiệm vụ luôn được ưu tiên hàng đầu.

HĐQT đã thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành.

Với nhận định 2021, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn và thách thức do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, những diễn biến khó lường ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chủ trương đề ra các mục tiêu định hướng phát triển Công ty theo hướng ổn định bền vững, bám sát theo diễn biến thực tế hoạt động của doanh nghiệp, tập trung chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động để thực hiện hoàn thành và vượt qua các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ★ HĐQT đánh giá cao năng lực quản lý, điều hành của Ban Giám đốc công ty trong công tác triển khai thực hiện các chiến lược kinh doanh, tuy nhiên năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10/2021, đã tác động trực tiếp đến ngành kinh doanh nhà hàng, khách sạn, lữ hành.
- ★ Ban Giám đốc công ty đã linh hoạt, thích ứng trong điều kiện kinh doanh, vừa đảm bảo tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 và cân đối các nguồn quỹ năm trước còn lại, nhằm giải quyết phần nào thu nhập cho người lao động.
- ★ Đầu năm 2021, Ban Giám đốc công ty triển khai, thực hiện các hạng mục đầu tư sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ nhằm đảm bảo chất lượng, kịp tiến độ, kịp thời đưa vào sử dụng mùa cao điểm, thu hút khách hàng tiềm năng.
- ★ Việc đầu tư thực hiện được công khai, minh bạch theo đúng pháp luật Nhà nước, đúng quy trình, quy chế công ty, đầu tư có trọng điểm, tiết kiệm mang lại hiệu quả cao trong toàn hệ thống, đáp ứng mong đợi khách hàng.
- ★ Thực hiện đúng chính sách về phân phối tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi gắn với kết quả kinh doanh. Quyết toán quỹ lương cho người lao động và người quản lý công ty rõ ràng, minh bạch theo đúng các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành.
- ★ Thực hiện tốt quy chế tài chính của công ty, chấp hành đúng các quy định của pháp luật



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo và tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất.

Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường: tăng số lượng nhân viên bán hàng và lực lượng cộng tác viên, tăng phí quảng cáo, tăng các sản phẩm khuyến mãi. Đồng thời xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp ngành dịch vụ ăn uống, lữ hành. Cùng với đó xây dựng chính sách giá thành hấp dẫn phù hợp từng loại thị trường.

Tiếp tục phát triển sản phẩm mới và sản phẩm khác biệt: nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng đẳng cấp. Trong đó chú trọng khác biệt về chất lượng, hình thức trình bày, dịch vụ bổ sung, cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ và văn hóa của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẽ áp dụng các giải pháp để kích thích gia tăng năng suất lao động, phát huy sáng kiến cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, củng cố và nâng cao tay nghề người lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, nhẹ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.



A vibrant nighttime cityscape featuring a large, colorful fireworks display in the sky. Below the fireworks, a bridge with a distinctive arch design spans across a body of water. The city lights and buildings are reflected in the water, creating a shimmering effect. The overall scene is festive and celebratory.

5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai hoạt động với 5 thành viên gồm 1 Chủ tịch HĐQT, 1 Phó Chủ tịch HĐQT và 3 thành viên HĐQT. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp để luôn bám sát tình hình hoạt động diễn ra trong năm của công ty, đồng thời phối hợp với nhau để giải quyết các vấn đề mà công ty đang gặp khó khăn nhằm đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ, ổn định, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

## Danh sách Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2021)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	2.221.000	30,50%
2	Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch HĐQT	910.150	12,50%
3	Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	2.250	0,035%
4	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	900.150	12,07%
5	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	1.219.500	16,35%

## Số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%	Không
2	Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch HĐQT	7/8	87,5%	Nghỉ ốm
3	Nguyễn Văn An	Thành viên HĐQT	6/8	75%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021
4	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	8/8	100%	Không
5	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	8/8	100%	Không
6	Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	2/8	25%	Bổ nhiệm ngày 30/06/2021

## Lý lịch Hội đồng quản trị

### Ông Nguyễn Hồng Quân Chủ tịch HĐQT

- Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 2.220.000 cổ phiếu (chiếm 30,49% vốn điều lệ)

### Ông Nguyễn Minh Thức Phó Chủ tịch HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bochang Donatours.
  - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 10.150 cổ phiếu (chiếm 0,14% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 11,93% vốn điều lệ)

### Ông Phạm Đức Bình Thành viên HĐQT

- Trình độ học vấn: Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thanh Bình.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Đại diện sở hữu: đại diện cho Công ty TNHH Thanh Bình: 1.219.500 cổ phiếu (chiếm 16,35% vốn điều lệ)

\*\* Lý lịch của ông Huỳnh Quốc Bảo và ông Ôn Văn Phước xem tại trang 22





## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	25/DLĐN/HĐQT-NQ	24/02/2021	Thông nhất việc lựa chọn nhà thầu là Công ty CP Đầu tư Xây dựng Kiến trúc mới thi công sửa chữa sảnh tiệc Rose tại Khách sạn Đồng Nai
2	27/DLĐN/HĐQT-NQ	10/03/2021	Thông nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021
3	48/DLĐN/HĐQT-NQ	24/04/2021	Thông nhất dời thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021
4	62/DLĐN/HĐQT-NQ	17/05/2021	Thông nhất thời gian dự kiến tổ chức và một số nội dung chính trong Đại hội đồng cổ đông năm 2021
			Thông nhất nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020
			Thông nhất quỹ tiền lương thực hiện năm 2020
			Thông nhất quyết toán Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020
			Thông nhất mức chi trả cổ tức năm 2020
			Thông nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
			Thông nhất Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021
			Đồng ý mức lương Người quản lý tham gia BHXH năm 2021
5	65/DLĐN/HĐQT-NQ	26/05/2021	Đồng ý Quỹ thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2021
			Thông nhất đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2025
6	73/DLĐN/HĐQT-NQ	20/06/2021	Thông nhất dời thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đến cuối tháng 06/2021
7	108/DLĐN/HĐQT-NQ	14/09/2021	Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Văn An
8	135/DLĐN/HĐQT-NQ	17/12/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2020
			Thông nhất nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng năm 2021.
			Thông nhất không tiếp tục bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Thức giữ chức vụ Giám đốc Công ty (hết nhiệm kỳ).
			Thông nhất bổ nhiệm Ông Huỳnh Quốc Bảo giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
			Thông nhất bổ nhiệm ông Ôn Văn Phước đảm nhiệm chức danh Quyền Kế toán trưởng Công ty thay thế bà Đặng Thị Tố Ngân nghỉ hưu theo chế độ.



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách Ban Kiểm soát (tại ngày 31/12/2021)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng BKS	-	0%
2	Phạm Văn Tâm	Thành viên BKS	750	0,01%
3	Tổng Duy Khương	Thành viên BKS	900.000	12,065%

### Lý lịch Ban Kiểm soát

#### Bà Nguyễn Hoàng Anh Trưởng BKS

- Trình độ học vấn: Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - > không có
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - > Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - > Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

#### Ông Phạm Văn Tâm Thành viên BKS

- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bochang Donatours
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - > Sở hữu cá nhân: 750 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
  - > Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

#### Ông Tổng Duy Khương Thành viên BKS

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV ĐTPB Bửu Long.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - > Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
  - > Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,06% vốn điều lệ)



## Số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban	02	100%	Không
2	Phạm Văn Tâm	Thành viên	02	100%	Không
3	Tổng Duy Khương	Thành viên	02	100%	Không

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

### Hoạt động của BKS và các thành viên trong năm 2021

Năm 2021 Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn công ty thông qua các báo cáo hàng tháng, quý và cả năm 2021.
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự cuộc họp HĐQT và các cuộc họp với Ban điều hành.
- Giám sát tình hình quản lý tài chính, các hoạt động thương mại, đầu tư sửa chữa và mua sắm trong năm.
- Tham gia kiểm soát thường xuyên các hoạt động tại các đơn vị kinh doanh trực thuộc công ty.
- Xem xét báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo của Kiểm toán độc lập.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành, việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

### Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2022 đề ra: Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh về doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tình hình thực hiện nghĩa vụ nhà nước, phân phối lợi nhuận,...
- Kiểm tra việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, quy trình mua sắm, các hạng mục đầu tư sửa chữa, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Thực hiện báo cáo định kỳ của Ban Kiểm soát.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

### Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BGD và BKS

Đơn vị: đồng/người/năm

Thành viên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	48.000.000
Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch HĐQT	39.000.000
Nguyễn Văn An	Thành viên HĐQT	18.000.000
Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	36.000.000
Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	36.000.000
Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	18.000.000
<b>BAN GIÁM ĐỐC</b>		
Nguyễn Minh Thức	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/12/2021)	249.380.342
Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/12/2021)	199.782.051
Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/06/2021)	114.900.000
Đặng Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 17/12/2021)	182.000.000
Ôn Văn Phước	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 17/12/2021)	106.068.322
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban	123.300.513
Phạm Văn Tâm	Thành viên	30.000.000
Tổng Duy Khương	Thành viên	30.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2020	Năm 2021
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
» Bán hàng	986.458.182	464.101.820
» Chia cổ tức	2.460.000.000	1.476.000.000

**Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai luôn chú trọng trong việc xây dựng cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch, đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty. Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định. Ngoài ra, Công ty thực hiện hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở cho hoạt động thường xuyên của toàn công ty, bao gồm: quy chế tài chính, quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.... Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty trên cơ sở kế hoạch đề ra và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, nhằm theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan.

Ngoài ra, Donatours luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





6

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 272/2022/BCKT-HCM.00844

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2022

**TRẦN THỊ LAN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2022-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.623.730.954</b>	<b>59.832.791.063</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>5.655.774.032</b>	<b>9.304.870.228</b>
Tiền	111		4.647.857.349	5.239.705.074
Các khoản tương đương tiền	112		1.007.916.683	4.065.165.154
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.380.382.352</b>	<b>41.290.197.792</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	24.380.382.352	41.290.197.792
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.860.048.746</b>	<b>5.014.083.463</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.748.260.257	2.306.873.462
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	815.816.753	841.285.309
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.295.971.736	1.865.924.692
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.535.717.329</b>	<b>3.737.103.540</b>
Hàng tồn kho	141	5.6	3.535.717.329	3.737.103.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>191.808.495</b>	<b>486.536.040</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	168.136.395	486.536.040
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.672.100	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.045.674.745</b>	<b>47.216.941.594</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.856.274.000</b>	<b>3.760.649.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.856.274.000	3.760.649.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.055.138.021</b>	<b>30.748.099.506</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	23.627.520.021	27.317.481.506
Nguyên giá	222		100.259.690.700	100.114.077.973
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.632.170.679)	(72.796.596.467)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.427.618.000	3.430.618.000
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(314.479.750)	(311.479.750)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.967.260.374</b>	<b>3.317.540.284</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	2.967.260.374	3.317.540.284
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.240.321.434</b>	<b>3.328.746.350</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.2	1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.2	(356.128.566)	(267.703.650)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	8.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.926.680.916</b>	<b>6.061.906.454</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	4.926.680.916	6.061.906.454
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>87.669.405.699</b>	<b>107.049.732.657</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.879.947.375</b>	<b>26.175.255.599</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.549.153.037</b>	<b>23.421.783.761</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.506.242.940	3.675.607.413
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.622.101.813	4.126.817.397
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.300.000	2.471.292.372
Phải trả người lao động	314	5.14	849.197.163	1.578.346.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	148.672.712	106.575.465
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	169.373.833	164.863.636
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	920.356.790	4.065.110.750
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	3.493.424.800	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	836.482.986	7.233.170.728
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.330.794.338</b>	<b>2.753.471.838</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	591.600.000	741.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	1.739.194.338	2.011.871.838
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-





CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.789.458.324	80.874.477.058
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	410	5.21	74.789.458.324	80.874.477.058
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.204.024.641)	2.880.994.093
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		672.006.591	1.693.946.845
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.876.031.232)	1.187.047.248
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		87.669.405.699	107.049.732.657

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN  
Người lập biểu

ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng

HUYNH QUỐC BẢO  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		118.778.362.919	198.841.505.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	10	6.1	118.778.362.919	198.841.505.498
<b>Giá vốn hàng bán</b>	11	6.2	94.619.428.457	156.245.568.595
<b>Lợi nhuận gộp</b>	20		24.158.934.462	42.595.936.903
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.944.452.888	3.256.024.789
Chi phí tài chính	22	6.4	100.106.411	176.803.808
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.342.180	4.536.987
Chi phí bán hàng	25	6.5	28.041.057.787	34.499.909.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3.321.510.708	3.857.191.110
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	30		(4.359.287.556)	7.318.057.713
Thu nhập khác	31	6.7	701.311.456	658.324.152
Chi phí khác	32	6.8	218.055.132	63.000.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		483.256.324	595.324.152
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		(3.876.031.232)	7.913.381.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	1.030.082.767
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		(3.876.031.232)	6.883.299.098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(532)	635

ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN  
Người lập biểu

ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng

HUYNH QUỐC BẢO  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022





## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.876.031.232)	7.913.381.865
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.838.574.212	3.909.211.756
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(184.252.584)	(57.806.687)
(Lãi)/ổ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	339.315	69.097
(Lãi)/ổ từ hoạt động đầu tư	05	(2.944.452.888)	(3.298.752.062)
Chi phí lãi vay	06	11.342.180	4.536.987
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.154.480.997)</b>	<b>8.470.640.956</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	718.301.610	2.436.651.409
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	201.386.211	(154.310.131)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.658.553.765)	(5.264.286.648)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.851.680.183	1.340.846.671
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.342.180)	(4.536.987)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(880.082.767)	(1.555.844.705)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.806.617	8.940.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.440.204.361)	(3.498.466.681)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(13.354.489.449)</b>	<b>1.779.633.884</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.105.946.817)	(87.818.182)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	2.912.559.000	42.727.273
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.231.444.001)	(29.508.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	33.141.259.441	26.681.613.699
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.260.888.895	1.443.759.348
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>11.977.316.518</b>	<b>(1.427.717.862)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	7.297.223.400	2.200.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.803.798.600)	(2.200.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.765.008.750)	(7.277.230.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.271.583.950)</b>	<b>(7.277.230.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>(3.648.756.881)</b>	<b>(6.925.313.978)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	<b>9.304.870.228</b>	<b>16.230.253.303</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(339.315)	(69.097)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>5.655.774.032</b>	<b>9.304.870.228</b>

ĐẶNG THỊ TÔ NGÂN  
Người lập biểu

ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2016 về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo Quyết định 63/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán : DNT
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký : 7.459.675 Cổ phiếu
- Tổng giá trị : 74.596.750.000 đồng

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm 2021, việc thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các Chỉ thị bổ sung của Thủ tướng Chính phủ do ảnh hưởng của căn bệnh đường hô hấp cấp Covid-19. Trong khoảng thời gian này, tình hình kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề và gặp một số khó khăn nhất định so với năm trước. Do vậy, Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh và đầu tư theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2021, Theo đó Công ty đã đề xuất các giải pháp cơ bản để hoàn thành kế hoạch đề ra mang lại lợi ích cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1.6 Cấu trúc của Công ty****Các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	06, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	33, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.8 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 169 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 179 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

##### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2021 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

#### 4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt		
+ VND	658.521.219	907.415.876
+ USD	6.487.940	6.601.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	3.969.899.468	4.311.905.150
+ USD	12.948.722	13.782.763
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	1.007.916.683	4.065.165.154
	<b>5.655.774.032</b>	<b>9.304.870.228</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi 3,5%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ – USD	286,95	6.487.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	571,94	12.948.722

## 5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

## 5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	24.380.382.352	24.380.382.352	41.290.197.792	41.290.197.792
	<b>24.380.382.352</b>	<b>24.380.382.352</b>	<b>41.290.197.792</b>	<b>41.290.197.792</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,2%/năm đến 6,35%/năm.

Trong năm, Công ty có dùng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 09.03.21/HĐTĐG-EIBĐN để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Xem tại thuyết minh 5.18.

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất tiền gửi 6,5%/năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.695.200.000</b>	<b>-</b>	<b>1.695.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	356.128.566	(*)	1.695.200.000	267.703.650	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.901.250.000</b>	<b>-</b>	<b>1.901.250.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	<b>3.596.450.000</b>	<b>356.128.566</b>	<b>3.596.450.000</b>	<b>267.703.650</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

## Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

## Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	267.703.650	95.505.926
Trích lập dự phòng trong năm	88.424.916	172.197.724
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>356.128.566</b>	<b>267.703.650</b>

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

## 5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>468.686.999</b>	<b>174.095.999</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	468.686.999	174.095.999
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.279.573.258</b>	<b>2.132.777.463</b>
Công ty cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	210.247.784	-
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	-	622.491.000
Các khách hàng khác	1.069.325.474	1.510.286.463
	<b>1.748.260.257</b>	<b>2.306.873.462</b>

## 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH MTV Quảng cáo Ngọc Tùng	636.363.636	636.363.636
Công ty TNHH Hàng không Tre Việt	41.313.322	65.183.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	75.448.644	53.110.509
Các nhà cung cấp khác	62.691.151	86.628.164
	<b>815.816.753</b>	<b>841.285.309</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

## 5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	965.782.802	-	1.282.218.809	-
Phải thu tiền vé máy bay	201.627.179	-	499.454.883	-
Tạm ứng	123.500.000	-	82.466.000	-
Bảo hiểm y tế	2.356.575	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	422.480	-	-	-
Kinh phí công đoàn	229.700	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.053.000	-	1.785.000	-
	<b>1.295.971.736</b>	<b>-</b>	<b>1.865.924.692</b>	<b>-</b>

## 5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	3.856.274.000	-	3.760.649.000	-
	<b>3.856.274.000</b>	<b>-</b>	<b>3.760.649.000</b>	<b>-</b>

## 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	239.379.727	-	331.144.906	-
Công cụ, dụng cụ	888.763.087	-	600.901.434	-
Hàng hóa	2.407.574.515	-	2.805.057.200	-
	<b>3.535.717.329</b>	<b>-</b>	<b>3.737.103.540</b>	<b>-</b>

## 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

## 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất đúng	55.631.952	279.012.807
Chi phí bảo hiểm	41.797.408	42.676.689
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	17.014.725	120.055.661
Phần mềm quản lý	8.083.336	18.433.502
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.608.974	26.357.381
	<b>168.136.395</b>	<b>486.536.040</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.537.138.21	1.765.504.868
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	1.830.396.330	4.279.401.592
Phần mềm quản lý	-	11.666.658
Các chi phí trả trước dài hạn khác	559.146.374	5.333.336
	<b>4.926.680.916</b>	<b>6.061.906.454</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2021	76.150.047.203	17.380.399.269	6.345.739.025	237.892.476	100.114.077.973
Mua sắm trong năm	-	145.612.727	-	-	145.612.727
Tại ngày 31/12/2021	<b>76.150.047.203</b>	<b>17.526.011.996</b>	<b>6.345.739.025</b>	<b>237.892.476</b>	<b>100.259.690.700</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2021	51.780.074.614	15.113.929.437	5.693.866.609	208.725.807	72.796.596.467
Khấu hao trong năm	2.570.021.515	1.024.899.201	226.653.492	14.000.004	3.835.574.212
Tại ngày 31/12/2021	<b>54.350.096.129</b>	<b>16.138.828.638</b>	<b>5.920.520.101</b>	<b>222.725.811</b>	<b>76.632.170.679</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2021	24.369.972.589	2.266.469.832	651.872.416	29.166.669	27.317.481.506
Tại ngày 31/12/2021	<b>21.799.951.074</b>	<b>1.387.183.358</b>	<b>425.218.924</b>	<b>15.166.665</b>	<b>23.627.520.021</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2021	19.911.312.398	11.794.818.149	4.197.486.299	149.517.474	36.053.134.320
Tại ngày 31/12/2021	<b>20.081.092.406</b>	<b>11.938.061.420</b>	<b>4.197.486.299</b>	<b>181.017.482</b>	<b>36.397.657.607</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Tại ngày 31/12/2021	<b>3.503.886.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>3.742.097.750</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	73.268.000	238.211.750	311.479.750
Khấu hao trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Tại ngày 31/12/2021	<b>76.268.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>314.479.750</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	3.433.618.000	-	3.430.618.000
Tại ngày 31/12/2021	<b>3.427.618.000</b>	<b>-</b>	<b>3.427.618.000</b>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Tại ngày 01/01/2021	-	238.211.750	238.211.750
Tại ngày 31/12/2021	<b>-</b>	<b>238.211.750</b>	<b>238.211.750</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	Thu hồi (*) VND	Kết chuyển vào chi phí VND	31/12/2021 VND
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	3.118.704.011	-	(2.912.559.000)	-	206.145.011
- Sửa chữa nhà hàng Sen vàng	-	289.605.000	-	(289.605.000)	-
- Công trình xây dựng Khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	-	111.018.091
- Sửa chữa Khách sạn Đồng Nai	87.818.182	2.670.729.090	-	(108.450.000)	2.650.097.272
	<b>3.317.540.284</b>	<b>2.960.334.090</b>	<b>(2.912.559.000)</b>	<b>(398.055.000)</b>	<b>2.967.260.374</b>

(\*) Thu tiền bồi thường Công trình mở rộng khách sạn Hoà Bình theo Thông báo số 356/TB-TTPTQĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	590.862.738	1.461.541.705
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	5.003.000	142.198.000
Cơ sở hải sản Trần Thị Chi	66.721.693	352.834.193
Ông Lê Thanh Chiến	32.314.800	103.350.000
Nguyễn Thị Dung	66.824.500	202.976.000
Các nhà cung cấp khác	744.516.209	1.412.707.515
	<b>1.506.242.940</b>	<b>3.675.607.413</b>

## 5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Khách hàng đặt cọc tiệc	2.088.854.800	3.142.874.800
Các khách hàng khác	533.247.013	983.942.597
	<b>2.622.101.813</b>	<b>4.126.817.397</b>

## 5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	650.838.749	2.785.435.566	(3.436.274.315)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	880.082.767	-	(880.082.767)	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.044.159	182.786.964	(186.531.123)	3.300.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	933.326.697	1.797.609.027	(2.730.935.724)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<b>2.471.292.372</b>	<b>4.774.831.557</b>	<b>(7.242.823.929)</b>	<b>3.300.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.876.031.232)</b>	<b>7.913.381.865</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	543.985.131	180.619.097
Các khoản điều chỉnh giảm	(272.677.500)	(230.004.411)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(3.604.723.601)</b>	<b>7.863.996.551</b>
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(530.131.250)	(506.262.500)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(4.134.854.851)</b>	<b>7.357.734.051</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>-</b>	<b>1.471.546.810</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14	-	(441.464.043)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>1.030.082.767</b>

## 5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ lương còn phải trả	849.197.163	1.578.346.000
	<b>849.197.163</b>	<b>1.578.346.000</b>

## 5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	106.490.894	104.575.465
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	42.181.818	2.000.000
	<b>148.672.712</b>	<b>106.575.465</b>

## 5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	169.373.833	164.863.636
	<b>169.373.833</b>	<b>164.863.636</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

## 5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Cổ tức phải trả	73.899.500	3.654.630.750
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airlines	90.632.515	241.980.000
Hợp đồng hợp tác Kinh doanh số 55 ( Nhà hàng Đồng Nai)	-	150.000.000
Bảo hiểm xã hội	751.080.275	-
Thủ lao Hội đồng Quản trị	-	6.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.744.500	12.000.000
	<b>920.356.790</b>	<b>4.065.110.750</b>

## 5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược	591.600.000	741.600.000
	<b>591.600.000</b>	<b>741.600.000</b>

## 5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		Giá trị VND	01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai	3.493.424.800	3.493.424.800	-	-	
	<b>3.493.424.800</b>	<b>3.493.424.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2021	Vay trong năm	Thanh toán trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai (*)	-	7.297.223.400	(3.803.798.600)	3.493.424.800
	-	<b>7.297.223.400</b>	<b>(3.803.798.600)</b>	<b>3.493.424.800</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số LAV210052450/1801 ngày 28 tháng 08 Năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai:

Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ lưu hành, kinh doanh phân phối bia và nước uống
Hạn mức:	10.000.000.000 VND
Thời gian cho vay:	Đến hết ngày 27 tháng 06 năm 2022
Lãi suất:	Áp dụng cho từng lần giải ngân, theo quy định tại Khế ước nhận nợ
Hình thức đảm bảo:	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 09.03.21/HĐTG-EIBĐN ngày 09 tháng 03 năm 2021.
	Giá trị tài sản đảm bảo: 2.054.443.836 VND
Số dư tại ngày 31/12/2021:	3.493.424.800 VND

## 5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2021 VND	Trích quỹ trong năm VND	Tăng khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2021 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.763.698.294	24.710.002	18.806.617	(6.350.004.361)	457.210.552
Quỹ thưởng Ban điều hành	489.472.434	-	-	(90.200.000)	379.272.434
	<b>7.233.170.728</b>	<b>24.710.002</b>	<b>18.806.617</b>	<b>(6.440.204.361)</b>	<b>836.482.986</b>

## 5.20 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2021 VND	Chi trả trong năm VND	31/12/2021 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.011.871.838	(272.677.500)	1.739.194.338
	<b>2.011.871.838</b>	<b>(272.677.500)</b>	<b>1.739.194.338</b>

Là khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức ½ tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc tại thời điểm trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc.



#### 5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

##### 5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND		Vốn khác của chủ sở hữu VND		Cổ phiếu quỹ VND		Lợi nhuận chưa phân phối VND		Cộng VND	
<b>Năm 2020</b>										
Tại ngày 01/01/2020	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.590.551.117	80.584.034.082					
Lãi trong năm	-	-	-	6.883.299.098	6.883.299.098					
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(3.640.462.500)	(3.640.462.500)					
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(2.055.789.350)	(2.055.789.350)					
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	-	-	-	(896.604.272)	(896.604.272)					
Tại ngày 31/12/2020	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>2.880.994.093</b>	<b>80.874.477.058</b>					
<b>Năm 2021</b>										
Tại ngày 01/01/2021	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.880.994.093	80.874.477.058					
Lỗ trong năm	-	-	-	(3.876.031.232)	(3.876.031.232)					
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(2.184.277.500)	(2.184.277.500)					
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	-	-					
Tại ngày 31/12/2021	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>(3.204.024.641)</b>	<b>74.789.458.324</b>					



#### CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.195.000.000	16,35
Bà Huỳnh Thị Bích Phượng	7.942.500.000	10,65	7.942.500.000	10,65
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.471.750.000	4,65
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>

#### 5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

#### 5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi và chi trả cổ tức cho các cổ đông sau khi đã tạm ứng mức chi trả cổ tức là 5% trong năm 2020 theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 62/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 17 tháng 5 năm 2021 cụ thể như sau:

	VND
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	: 24.710.002
• Chi trả cổ tức còn lại	: 2.184.277.500
	<b>2.208.987.502</b>

#### 5.22 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	858,89	885,29



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	118.778.362.919	198.841.505.498
	<b>118.778.362.919</b>	<b>198.841.505.498</b>

## 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ trọng yếu cho công ty liên kết.

## 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	94.619.428.457	156.245.568.595
	<b>94.619.428.457</b>	<b>156.245.568.595</b>

## 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.414.321.638	2.749.762.289
Cổ tức, lợi nhuận được chia	530.131.250	506.262.500
	<b>2.944.452.888</b>	<b>3.256.024.789</b>

## 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	11.342.180	4.536.987
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	88.424.916	172.197.724
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	339.315	69.097
	<b>100.106.411</b>	<b>176.803.808</b>

## 6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	14.782.596.391	19.453.873.013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.812.636.743	2.353.497.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.422.525.387	3.686.162.919
Thuế, phí và lệ phí	1.746.051.871	1.299.192.664
Chi phí điện nước, điện thoại, vật tư, công cụ dụng cụ, sửa chữa bảo trì	4.865.406.152	6.102.424.478
Chi phí bán hàng khác	1.411.841.243	1.604.758.502
	<b>28.041.057.787</b>	<b>34.499.909.061</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	2.101.515.568	2.394.064.746
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.334.493	48.956.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.516.969	223.048.837
Thuế, phí và lệ phí	165.910.546	223.181.398
Chi phí điện thoại, vận chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa	269.607.882	344.531.072
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	588.625.250	623.408.283
	<b>3.321.510.708</b>	<b>3.857.191.110</b>

## 6.7 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	5.154.546
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	42.727.273
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	349.606.178	-
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	310.950.294	395.199.465
Thu nhập từ tiền cọc khách hàng bỏ tiệc	32.000.000	101.406.030
Lãi từ khoản thế chấp, ký cược	-	102.539.319
Thu nhập khác	8.754.984	11.297.519
	<b>701.311.456</b>	<b>658.324.152</b>

## 6.8 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	63.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.625.485	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	2.429.647	-
	<b>218.055.132</b>	<b>63.000.000</b>

## 6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.876.031.232)	6.883.299.098
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.080.499.352)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.876.031.232)	4.624.700.213
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(532)</b>	<b>660</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.280.925</b>	<b>7.280.925</b>

## 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí mua hàng hóa	79.527.611.905	125.131.762.658
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.932.489.761	2.604.650.908
Chi phí nhân công	16.966.181.959	22.033.097.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.838.574.212	3.909.211.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.003.175.457	15.343.254.253
Chi phí khác	3.929.589.143	25.580.691.432
	<b>126.197.622.437</b>	<b>194.602.668.766</b>

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

## 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay	7.297.223.400	2.200.000.000
	<b>7.297.223.400</b>	<b>2.200.000.000</b>

## 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.803.798.600	2.200.000.000
	<b>3.803.798.600</b>	<b>2.200.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

## ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

## Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

## Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

## iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Các khoản vay	3.493.424.800	-	3.493.424.800
Phải trả người bán	1.506.242.940	-	1.506.242.940
Chi phí phải trả	148.672.712	-	148.672.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.276.515	591.600.000	760.876.515
	<b>5.317.616.967</b>	<b>591.600.000</b>	<b>5.909.216.967</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	3.675.607.413	-	3.675.607.413
Chi phí phải trả	106.575.465	-	106.575.465
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.065.110.750	741.600.000	4.806.710.750
	<b>7.847.293.628</b>	<b>741.600.000</b>	<b>8.588.893.628</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.18; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32.380.382.352	41.290.197.792	32.380.382.352	41.290.197.792
Phải thu khách hàng	1.748.260.257	2.306.873.462	1.748.260.257	2.306.873.462
Phải thu khác	5.025.736.981	5.544.107.692	5.025.736.981	5.544.107.692
Đầu tư dài hạn	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.655.774.032	9.304.870.228	5.655.774.032	9.304.870.228
	<b>46.711.403.622</b>	<b>60.347.299.174</b>	<b>46.711.403.622</b>	<b>60.347.299.174</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	3.493.424.800	-	3.493.424.800	-
Phải trả người bán	1.506.242.940	3.675.607.413	1.506.242.940	3.675.607.413
Chi phí phải trả	148.672.712	106.575.465	148.672.712	106.575.465
Các khoản phải trả khác	760.876.515	4.806.710.750	760.876.515	4.806.710.750
	<b>5.909.216.967</b>	<b>8.588.893.628</b>	<b>5.909.216.967</b>	<b>8.588.893.628</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.230.431.228	1.157.876.923
	<b>1.230.431.228</b>	<b>1.157.876.923</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## Chi tiết khoản thu nhập thù lao

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	
<b>Lương</b>				
Nguyễn Minh Thúc	Giám đốc	249.380.342	329.800.000	Miễn nhiệm 17/12/2021
Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc	114.900.000	237.000.000	Miễn nhiệm từ ngày 21/06/2021
Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	199.782.051	236.800.000	Bổ nhiệm 17/12/2021
Đặng Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng	182.000.000	212.300.000	Miễn nhiệm 17/12/2021
Ôn Văn Phước	Kế toán trưởng	106.068.322	-	Bổ nhiệm 17/12/2021
Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban Kiểm soát	123.300.513	141.976.923	
<b>Thù lao</b>				
Tổng Duy Khương	TV. Kiểm soát	30.000.000	-	
Phạm Văn Tâm	TV. Kiểm soát	30.000.000	-	
Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch	48.000.000	-	
Nguyễn Minh Thúc	Phó Chủ tịch	39.000.000	-	
Nguyễn Văn An	Thành viên	18.000.000	-	
Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên	36.000.000	-	
Phan Đức Bình	Thành viên	36.000.000	-	
Ôn Văn Phước	Thành viên	18.000.000	-	
		<b>1.230.431.228</b>	<b>1.157.876.923</b>	

## 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

## Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
- Bán hàng	464.101.820	986.458.182
- Chia cổ tức	1.476.000.000	2.460.000.000

## Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 9.2 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 và quyết toán quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 62/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Công ty.

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 62/DLĐN/HĐQT-NQ tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 tăng thêm 24.710.002 VND và chi phí người lao động giảm 207.092.480 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi nêu trên đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 31/12/2020 VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh 31/12/2020 VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.442.299.425	28.992.947	2.471.292.372	(I)
Phải trả người lao động	314	1.785.438.480	(207.092.480)	1.578.346.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.702.894.560	178.099.533	2.880.994.093	
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.693.946.845	-	1.693.946.845	
LNST chưa phân phối năm nay	421b	1.008.947.715	178.099.533	1.187.047.248	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.064.283.590	(207.092.480)	3.857.191.110	(II)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.001.089.820	28.992.947	1.030.082.767	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.705.199.565	178.099.533	6.883.299.098	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	639	21	660	
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	7.706.289.385	207.092.480	7.913.381.865	(III)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.057.194.168)	(207.092.480)	(5.264.286.648)	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (i) Chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (313) và chỉ tiêu phải trả người lao động (314) thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm chi phí nhân viên lần lượt là 28.992.947 VND và 207.092.480 VND dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421) tăng từ 2.702.894.560 VND lên 2.880.994.093 VND.
- (ii) Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (26) giảm do giảm chi phí nhân viên năm 2020 207.092.480 VND dẫn đến Chỉ tiêu Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (51) tăng 28.992.947 VND đồng thời làm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60) tăng từ 6.705.199.565 VND lên 6.883.299.098 VND cùng với việc trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế (60) năm 2020 từ 2.055.789.350 VND lên 2.080.499.352 VND khiến cho lãi cơ bản trên cổ phiếu (70) của năm 2020 tăng từ 639 VND/Cổ phiếu lên 660 VND/Cổ phiếu.
- (iii) Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế (01) và chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm chi phí nhân viên lần lượt là 28.992.947 VND và 207.092.480 VND.

**9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Huỳnh Quốc Bảo giữ chức vụ Giám đốc theo quyết định bổ nhiệm Cán bộ quản lý số 38/HĐQT-QĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021.

  
ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN  
Người lập

  
ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng

  
HUỲNH QUỐC BẢO  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2022



# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI  
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=TP.Biên Hòa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 3600276414  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2022.03.24 07:58:03+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.1



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC



*Huỳnh Quốc Bảo*